

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN**  
**CẨM PHẢ - TKV**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính  
được bắt đầu từ 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo kết quả soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	6 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 39



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận thay đổi lần đầu ngày 01/06/2004, thay đổi lần 2 ngày 15/08/2008, thay đổi lần 3 ngày 31/08/2011, thay đổi lần 4 ngày 27/7/2012, và thay đổi lần 5 ngày 13/5/2016.

Theo Quyết định số 64/QĐ-NĐCP ngày 6/6/2016 của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được đổi tên thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/6/2016.

**2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**

***Hội đồng quản trị:***

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>		
- Ông Phạm Xuân Phong	Chủ tịch	(i)	Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2016
- Ông Lê Ngọc Nam	Chủ tịch	(ii)	Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2016
- Ông Thân Thế Đăng	Ủy viên	(iii)	Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2016
- Ông Trần Văn Hoan	Ủy viên	(iv)	Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2016
- Ông Ngô Minh Thắng	Ủy viên		
- Ông Vũ Xuân Trinh	Ủy viên		
- Ông Phạm Đắc Lâm	Ủy viên	(v)	Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2016
- Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	(vi)	Miễn nhiệm từ ngày 01/03/2016

(i) Ông Phạm Xuân Phong thôi là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 24/NQ-ĐHĐCĐ-2016 ngày 27/05/2016.

(ii) Ông Lê Ngọc Nam được bầu vào Hội đồng quản trị Công ty theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 24/NQ-ĐHĐCĐ-2016 ngày 27/05/2016, và được Hội đồng quản trị bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 27/5/2016.

(iii) Ông Thân Thế Đăng được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 24/NQ-ĐHĐCĐ-2016 ngày 27/05/2016.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

- (iv) Ông Trần Văn Hoan được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 24/NQ-ĐHĐCĐ-2016 ngày 27/05/2016.
- (v) Ông Phạm Đắc Lâm thôi là Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty theo Quyết định số 47/QĐ-NĐCP ngày 28/04/2016 của Hội đồng quản trị về việc Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - Vinacomin.
- (vi) Ông Phạm Văn Thường thôi là Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty theo Quyết định số 16/QĐ-NĐCP ngày 19/02/2016 của Hội đồng quản trị về việc Miễn nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - Vinacomin.

**Ban Tổng giám đốc:**

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                      |                   |      |                               |
|----------------------|-------------------|------|-------------------------------|
| - Ông Phạm Đắc Lâm   | Tổng Giám đốc     | (i)  | Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2016 |
| - Ông Thân Thế Đăng  | Tổng Giám đốc     | (ii) | Bổ nhiệm từ ngày 01/05/2016   |
| - Ông Vũ Xuân Trinh  | Phó Tổng giám đốc |      |                               |
| - Ông Dương Hồng Hải | Phó Tổng giám đốc |      |                               |
| - Ông Vũ Đức Quảng   | Phó Tổng giám đốc |      |                               |
| - Ông Trần Văn Hoan  | Phó Tổng giám đốc |      |                               |

- (i) Ông Phạm Đắc Lâm thôi là Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 47/QĐ-NĐCP ngày 28/04/2016 của Hội đồng quản trị về việc Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - Vinacomin
- (ii) Ông Thân Thế Đăng được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 48/QĐ-NĐCP ngày 29/04/2016 của Hội đồng quản trị.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính**

Theo Quyết định số 64/QĐ-NĐCP ngày 6/6/2016 của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được đổi tên thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: Vinacomin - Campha Thermal Power Joint - Stock Company), và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/6/2016.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Thân Thế Đăng**  
**Tổng Giám đốc**

Số: /2016/BCSX/PKF-VPC

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được lập ngày 12/08/2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

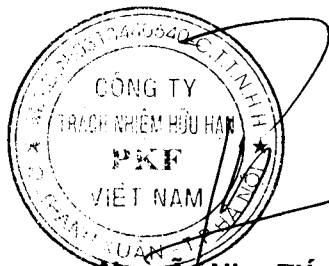
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH PKF Việt Nam

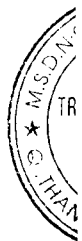


**Nguyễn Như Tiến**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số

0449-2015-242-1





**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>792.747.688.825</b>	<b>1.231.439.821.922</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.838.096.105</b>	<b>7.871.968.422</b>
Tiền	111	5.1	1.838.096.105	7.871.968.422
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>721.237.828.930</b>	<b>1.127.257.346.885</b>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	705.855.842.639	1.119.455.435.447
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.600.256.592	949.286.488
Các khoản phải thu khác	136	5.3	6.854.389.699	6.925.284.950
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(72.660.000)	(72.660.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>42.093.204.826</b>	<b>91.435.776.999</b>
Hàng tồn kho	141	5.5	42.093.204.826	91.435.776.999
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.578.558.964</b>	<b>4.874.729.616</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	2.642.309.203	2.064.179.970
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.13	24.936.249.761	2.810.549.646
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.831.834.174.708</b>	<b>7.212.447.116.287</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.764.256.241.709</b>	<b>7.147.128.408.882</b>
TSCĐ hữu hình	221	5.7	6.764.256.241.709	7.147.128.408.882
- Nguyên giá	222		10.129.120.210.957	10.243.351.428.995
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(3.364.863.969.248)	(3.096.223.020.113)
TSCĐ vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		88.000.000	88.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(88.000.000)	(88.000.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.6	<b>13.036.494.330</b>	<b>3.669.949.565</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.036.494.330	3.669.949.565
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>54.541.438.669</b>	<b>61.648.757.840</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	5.316.798.150	11.812.728.723
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		49.224.640.519	49.836.029.117
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.624.581.863.533</b>	<b>8.443.886.938.209</b>

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.662.032.745.604</b>	<b>7.132.619.981.483</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.229.507.356.897</b>	<b>2.263.957.246.662</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	672.254.029.433	831.675.801.093
Người mua trả tiền trước	312		52.737.520	976.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	-	13.283.919.935
Phải trả người lao động	314		3.298.448.748	15.926.389.659
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	132.956.811.877	80.958.189.333
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	4.247.635.494	2.485.335.373
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	1.414.511.176.587	1.317.026.652.654
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	714.980.381	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.471.536.857	2.599.982.615
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.432.525.388.707</b>	<b>4.868.662.734.821</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		4.432.525.388.707	4.868.662.734.821
Vay dài hạn		5.10	3.427.363.788.707	3.864.038.734.821
Nợ dài hạn		5.12	1.005.161.600.000	1.004.624.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>962.549.117.929</b>	<b>1.311.266.956.726</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>962.549.117.929</b>	<b>1.311.266.956.726</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.007.257.104.953)	(658.539.266.156)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(658.539.266.156)	(384.513.474.244)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(348.717.838.797)	(274.025.791.912)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.624.581.863.533</b>	<b>8.443.886.938.209</b>

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Thần Thế Đăng

Nhữ Thị Thu

Luu Mạnh Thắng

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/6/2016

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.019.539.271.572	2.018.746.186.740
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV</b>	<b>10</b>		<b>1.019.539.271.572</b>	<b>2.018.746.186.740</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.3	1.214.150.502.621	1.714.266.870.104
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(194.611.231.049)</b>	<b>304.479.316.636</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	60.300.874.004	478.918.702
Chi phí tài chính	22	6.5	200.033.363.703	397.819.221.491
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		199.495.763.703	194.161.673.246
Chi phí bán hàng	24	6.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	13.625.238.094	16.753.742.980
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(347.968.958.842)</b>	<b>(109.614.729.133)</b>
Thu nhập khác	31	6.6	374.160.533	183.716.363
Chi phí khác	32	6.7	1.123.040.488	6.197.786.933
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(748.879.955)</b>	<b>(6.014.070.570)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(348.717.838.797)</b>	<b>(115.628.799.703)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(348.717.838.797)</b>	<b>(115.628.799.703)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(1.770)	(587)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thắng

Trần Thế Đăng

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**  
 Kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/6/2016

Đơn vị: VND

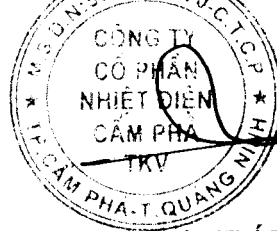
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(348.717.838.797)	(115.628.799.703)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	268.490.329.755	269.327.489.703
Các khoản dự phòng	03	714.980.381	5.873.493.226
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(34.711.566.446)	103.165.957.942
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(195.862.754)	(478.730.161)
Chi phí lãi vay	06	199.495.763.703	194.161.673.246
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>85.075.805.842</b>	<b>456.421.084.253</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	383.893.817.840	39.190.378.413
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	49.953.960.771	1.752.893.690
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(35.535.684.131)	(88.510.528.129)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	5.917.801.340	64.530.681.563
Tiền lãi vay đã trả	14	(151.197.585.186)	(238.806.862.725)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	165.100.000	46.600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(943.400.000)	(502.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>337.329.816.476</b>	<b>234.121.947.065</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(39.169.103.992)	(5.502.946.576)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	195.862.754	478.730.161
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(38.973.241.238)</b>	<b>(5.024.216.415)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	958.698.648.144	923.093.917.139
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.263.089.087.694)	(1.146.454.903.904)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(304.390.439.550)</b>	<b>(223.360.986.765)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(6.033.864.312)</b>	<b>5.736.743.885</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.871.968.422	6.286.833.890
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.005)	188.541
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.838.096.105</b>	<b>12.023.766.316</b>

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Nhữ Thị Thu*

*Lưu Mạnh Thắng*

*Thân Thế Đăng*

Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thắng

Thân Thế Đăng

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV tiền thân là Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 6, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/06/2016 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Lĩnh vực kinh doanh : sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3009/TKV-KT ngày 01/07/2016 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.270 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.340 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.340 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

0-CT  
TY  
HỮU H  
M  
TPH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**4.4 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá                      Nhập trước xuất trước
- Sản phẩm dở dang    Công ty không có chi phí SXKD dở dang

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

**4.11 Dự phòng phải trả**

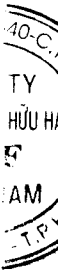
Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ/ năm kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ/ năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ/ năm kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ/ năm kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ/ năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ/ năm kế toán đó.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần là thay đổi lần 6 ngày 24/06/2016 là 2.179.900.000.000 đồng.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2016 như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (theo vốn điều lệ)</b>	<b>Vốn thực góp tại ngày 30/06/2016 (VND)</b>
- Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	89,21%	1.757.179.069.334
- Công ty CP Than Cọc 6	2,21%	43.598.000.000
- Công ty CP Than Tây nam Đá Mài	1,11%	21.799.000.000
- Công ty CP Than Đèo Nai	1,11%	21.799.000.000
- Công ty CP Than Cao Sơn	1,11%	21.799.000.000
- Công ty CP Than Mông Dương	1,11%	21.799.000.000
- Tổng Công ty XD công nghiệp Việt Nam	0,46%	9.153.153.548
- Cộng đồng thể nhân	3,69%	72.680.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100% vốn điều lệ</b>	<b>1.969.806.222.882</b>

**4.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa vào sản lượng điện trên biên bản chốt chỉ số công tơ điện và giá điện được tính toán kết hợp dựa theo hợp đồng số 06/2012/HĐ-NMD - CP ngày 21/6/2012 (Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2) ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV và giá của thị trường phát điện cạnh tranh.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.14 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**4.15 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện và các dịch vụ khác của Công ty là 10%.

***Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ/ năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

44064  
ÔNG T  
NHIỆM H  
PKI  
IỆT N  
XUÂN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền**

		<b>30/06/2016</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2016</b> <b>(VND)</b>
Tiền mặt tại quỹ	(i)	4.339.501	191.229.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	1.833.756.604	7.680.739.372
<b>Cộng</b>		<b>1.838.096.105</b>	<b>7.871.968.422</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2016 bao gồm:

	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		4.339.501
<b>Cộng</b>		<b>4.339.501</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2016 bao gồm:

	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Đồng Việt Nam		1.822.295.793
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>		919.803.697
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</i>		432.116.810
<i>Ngân hàng công thương Việt Nam</i>		329.287.349
<i>Ngân hàng TMCP TM &amp; CP Sài Gòn - Hà Nội</i>		93.656.905
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>		47.431.032
Ngoại tệ		11.460.811
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (USD)</i>	510.58 #	11.370.617
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (USD)</i>	4.05 #	90.194
<b>Cộng</b>		<b>1.833.756.604</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>705.855.842.639</b>	<b>1.119.455.435.447</b>
Công ty Mua bán điện	704.531.260.945	1.118.115.595.153
Công ty TNHH DV&TM Á Châu	459.574.000	459.574.000
Công ty CP thương mại Hương Giang Cẩm Phả	544.710.000	444.484.000
Công ty CP Đầu tư Hoàng Hải	169.268.000	142.780.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	151.029.694	293.002.294
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>705.855.842.639</u></b>	<b><u>1.119.455.435.447</u></b>

**5.3 Phải thu khác**

	<u>30/06/2016</u> (VND)		<u>01/01/2016</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.854.389.699</b>	-	<b>6.925.284.950</b>	-
Phải thu người lao động	346.183.935	-	23.434.464	-
Thuế GTGT tạm nhận nợ với Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	3.835.791.547	-	3.835.791.547	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	2.276.964.871	-	2.565.372.384	-
Phải thu khác	395.449.346	-	500.686.555	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.854.389.699</u></b>	-	<b><u>6.925.284.950</u></b>	-

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.4 Nợ xấu**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	72.660.000	-	72.660.000	-
- Từ 3 năm trở lên	72.660.000	-	72.660.000	-
<i>Trung tâm nghiên cứu, TK và ứng dụng CN mới</i>	72.660.000	-	72.660.000	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	41.954.301.676	-	91.230.853.529	-
Công cụ, dụng cụ	138.903.150	-	204.923.470	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hoá	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.093.204.826</b>	<b>-</b>	<b>91.435.776.999</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.6 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>13.036.494.330</b>	-	<b>3.669.949.565</b>	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	3.113.211.525	-	3.669.949.565	-
<i>Dự án Cẩm Phả 1</i>	820.752.560	-	820.752.560	-
<i>Dự án Cẩm Phả 2</i>	1.260.181.818	-	1.258.181.818	-
<i>Đầu tư xây dựng bãi thải</i>	1.013.909.735	-	1.014.537.005	-
<i>Dự án khác</i>	18.367.412	-	576.478.182	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	9.923.282.805	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.036.494.330</b>	-	<b>3.669.949.565</b>	-

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	1.956.150.443.242	8.227.484.555.045	53.935.836.667	2.131.967.271	3.648.626.770	10.243.351.428.995
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	563.818.182	-	-	-	563.818.182
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(25.369.942.048)	(89.425.094.172)	-	-	-	(134.376.207.291)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.930.780.501.194</b>	<b>8.138.623.279.055</b>	<b>53.935.836.667</b>	<b>2.131.967.271</b>	<b>3.648.626.770</b>	<b>10.129.120.210.957</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu kỳ	316.183.206.201	2.751.169.750.827	24.416.253.969	1.492.349.802	2.961.459.314	3.096.223.020.113
- Khấu hao trong kỳ	26.799.023.537	238.635.657.353	2.648.262.586	172.308.397	235.077.882	268.490.329.755
- Hao mòn trong kỳ	150.619.380	-	-	-	-	150.619.380
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>343.132.849.118</b>	<b>2.989.805.408.180</b>	<b>27.064.516.555</b>	<b>1.664.658.199</b>	<b>3.196.537.196</b>	<b>3.364.863.969.248</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	1.639.967.237.041	5.476.314.804.218	29.519.582.698	639.617.469	687.167.456	7.147.128.408.882
Tại ngày cuối kỳ	1.587.647.652.076	5.148.817.870.875	26.871.320.112	467.309.072	452.089.574	6.764.256.241.709
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay						6.764.256.241.709



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	-	88.000.000	88.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>88.000.000</b>	<b>88.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu kỳ	-	88.000.000	88.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>88.000.000</b>	<b>88.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

**5.9 Chi phí trả trước**

	<b>30/06/2016 (VND)</b>	<b>01/01/2016 (VND)</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.642.309.203</b>	<b>2.064.179.970</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.642.309.203	2.064.179.970
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.316.798.150</b>	<b>11.812.728.723</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	834.707.577	1.952.129.150
Chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố chờ PB	4.482.090.573	9.860.599.573
Lỗ CLTG trong giai đoạn đầu tư XD CB	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.959.107.353</b>	<b>13.876.908.693</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.11 Phải trả người bán**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>672.254.029.433</b>	<b>672.254.029.433</b>	<b>831.675.801.093</b>	<b>831.675.801.093</b>
Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	449.136.635.098	449.136.635.098	627.052.767.446	627.052.767.446
CN Tập đoàn CN than KSVN Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - TKV	197.937.775.859	197.937.775.859	185.635.532.230	185.635.532.230
Phải trả cho các đối tượng khác	25.179.618.476	25.179.618.476	18.987.501.417	18.987.501.417
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>672.254.029.433</b>	<b>672.254.029.433</b>	<b>831.675.801.093</b>	<b>831.675.801.093</b>

**5.12 Trái phiếu phát hành**

	30/06/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn
- Mệnh giá	1.005.161.600.000	9,4%	5 năm	1.004.624.000.000	9,4%	5 năm
- Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.005.161.600.000</b>			<b>1.004.624.000.000</b>		

Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 30/06/2016:

- Phát hành lần 1:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 450.000.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 27/6/2014 và đáo hạn vào ngày 27/6/2019. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái chủ (Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 27/6/2014 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 27/6/2019 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 27/6 và ngày 27/12 hàng năm, với mức lãi suất bằng tổng của 3,3%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch 1) tại ngày xác định lãi suất.

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

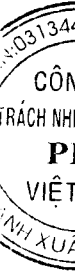
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

- Phát hành lần 2:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29/12/2015 và đáo hạn vào ngày 29/12/2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29/12/2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29/12/2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/6 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:

- Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;
- Lãi suất các kỳ sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam, Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

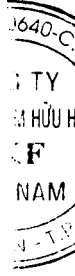
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016 (VND)
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	13.283.919.935	13.539.455.618	26.823.375.553	-
Thuế đất và tiền thuế đất	-	1.253.908.253	1.253.908.253	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.283.919.935</b>	<b>14.796.363.871</b>	<b>28.080.283.806</b>	<b>-</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	23.212.329.801	23.212.329.801
Thuế thu nhập cá nhân	134.105.745	3.838.752	-	130.266.993
Thuế tài nguyên	1.082.790.934	1.082.790.934	-	-
Các loại thuế khác	1.593.652.967	-	-	1.593.652.967
<b>Cộng</b>	<b>2.810.549.646</b>	<b>1.256.606.700</b>	<b>23.382.306.815</b>	<b>24.936.249.761</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.14 Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>132.956.811.877</b>	<b>80.958.189.333</b>
Chi phí lãi vay	118.384.455.672	70.448.307.110
Chi phí điện mua của EVN	4.747.430.300	-
Lãi chậm trả tiền than	9.824.925.905	9.824.925.905
Các khoản chi phí phải trả khác	-	684.956.318
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>132.956.811.877</u></b>	<b><u>80.958.189.333</u></b>

**5.15 Phải trả khác**

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.247.635.494</b>	<b>2.485.335.373</b>
Thưởng vận hành an toàn ngành điện	3.056.973.256	1.583.361.859
Thuế GTGT nhà thầu nước ngoài CP2	699.794.434	699.794.434
Các khoản phải trả phải nộp khác	482.524.150	149.910.450
Kinh phí công đoàn	8.343.654	9.215.173
Kinh phí hoạt động công tác đảng	-	43.053.457
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>4.247.635.494</u></b>	<b><u>2.485.335.373</u></b>

**5.16 Dự phòng phải trả**

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>714.980.381</b>	<b>-</b>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	714.980.381	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>714.980.381</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.17 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ SH</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.969.806.222.882</b>	-	-	-	<b>(384.513.474.244)</b>	<b>1.585.292.748.638</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	<b>(274.025.791.912)</b>	<b>(274.025.791.912)</b>
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>1.969.806.222.882</b>	-	-	-	<b>(658.539.266.156)</b>	<b>1.311.266.956.726</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	<b>(348.717.838.797)</b>	<b>(348.717.838.797)</b>
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.969.806.222.882</b>	-	-	-	<b>(1.007.257.104.953)</b>	<b>962.549.117.929</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
Vốn góp của Nhà nước	1.757.179.069.334	1.757.179.069.334
Vốn góp của đối tượng khác	212.627.153.548	212.627.153.548
<b>Cộng</b>	<b><u>1.969.806.222.882</u></b>	<b><u>1.969.806.222.882</u></b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Từ 01/01/2016 đến</u> <u>30/06/2016</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2015 đến</u> <u>30/06/2015</u> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

*Cổ phiếu*

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến</u> <u>30/06/2016</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến</u> <u>30/06/2015</u> (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>196.980.622</b>	<b>196.980.622</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>196.980.622</b>	<b>196.980.622</b>
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>196.980.622</b>	<b>196.980.622</b>
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.019.539.271.572</b>	<b>2.018.746.186.740</b>
Doanh thu bán điện (*)	1.018.161.341.730	2.017.190.357.822
Doanh thu khác	1.377.929.842	1.555.828.918

(\*) Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 10927/BCT-ĐTĐL ngày 4/11/2014 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh giá bán điện liên quan đến điều chỉnh thành phần chi phí trong giá biến đổi, trong kỳ tài chính này Công ty đã ghi nhận giảm doanh thu bán điện cho giai đoạn từ 01/8/2014 đến 31/12/2015 với số tiền 304.142.873.812 đồng (Công ty đã xuất hóa đơn cho phần giảm doanh thu này và hóa đơn điều chỉnh giảm đã được EVN chấp nhận).

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

**6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.214.150.502.621	1.714.266.870.104
Giá vốn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.214.150.502.621</b>	<b>1.714.266.870.104</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	195.862.754	478.730.161
Lãi chênh lệch tỷ giá	60.105.011.250	188.541
<b>Cộng</b>	<b>60.300.874.004</b>	<b>478.918.702</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Các khoản khác	374.160.533	183.716.363
<b>Cộng</b>	<b>374.160.533</b>	<b>183.716.363</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
Chi phí đào tạo công nhân vận hành	-	4.875.500.035
Các khoản khác	1.123.040.488	1.322.286.898
<b>Cộng</b>	<b>1.123.040.488</b>	<b>6.197.786.933</b>

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.625.238.094</b>	<b>16.753.742.980</b>
Chi phí nhân viên	6.648.823.569	7.674.432.288
Các khoản khác	6.976.414.525	9.079.310.692
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	-	-
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.625.238.094</b>	<b>16.753.742.980</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)</b>
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	887.318.608.935	1.362.145.486.858
Chi phí nhân công	28.560.884.054	39.444.975.179
Chi phí khấu hao TSCĐ	268.490.329.755	268.476.507.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.667.313.718	48.545.428.446
Chi phí khác bằng tiền	<u>12.567.438.741</u>	<u>12.408.215.478</u>
<b>Cộng</b>	<b>1.228.604.575.203</b>	<b>1.731.020.613.084</b>
<b>b. Các khoản ghi giảm chi phí</b>		
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản ghi giảm khác	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</b>	<b>01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</b>	<b>01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>(348.717.838.797)</b>	<b>(115.628.799.703)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	196.980.622	196.980.622
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.770)</b>	<b>(587)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**6.12 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2016</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.838.096.105	-	1.838.096.105
Phải thu khách hàng	705.855.842.639	-	705.855.842.639
Phải thu khác	15.454.646.291	-	15.454.646.291
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.660.000)	-	(72.660.000)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>723.075.925.035</b>	<b>-</b>	<b>723.075.925.035</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	1.414.511.176.587	4.432.525.388.707	5.847.036.565.294
Phải trả người bán	672.254.029.433	-	672.254.029.433
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	140.555.633.639	-	140.555.633.639
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.227.320.839.659</b>	<b>4.432.525.388.707</b>	<b>6.659.846.228.366</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(1.504.244.914.624)</b>	<b>(4.432.525.388.707)</b>	<b>(5.936.770.303.331)</b>

**Ngày 01/01/2016**

**Giá trị ghi sổ:**

Tiền và các khoản tương đương tiền	7.871.968.422	-	7.871.968.422
Phải thu khách hàng	1.119.455.435.447	-	1.119.455.435.447
Phải thu khác	7.874.571.438	-	7.874.571.438

**Trừ:**

Dự phòng phải thu khó đòi	(72.660.000)	-	(72.660.000)
Dự Phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.135.129.315.307</b>	<b>-</b>	<b>1.135.129.315.307</b>

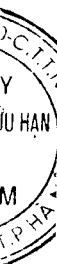
**Ngày 01/01/2016**

Các khoản vay và nợ	1.317.026.652.654	4.868.662.734.821	6.185.689.387.475
Phải trả người bán	831.675.801.093	-	831.675.801.093
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	112.654.810.300	-	112.654.810.300
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.261.357.264.047</b>	<b>4.868.662.734.821</b>	<b>7.130.019.998.868</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(1.126.227.948.740)</b>	<b>(4.868.662.734.821)</b>	<b>(5.994.890.683.561)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**  
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	705.855.842.639	1.119.455.435.447	705.783.182.639	1.119.382.775.447
<i>Các khoản PT khác</i>	15.454.646.291	7.874.571.438	15.454.646.291	7.874.571.438
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.838.096.105	7.871.968.422	1.838.096.105	7.871.968.422
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>723.148.585.035</u></b>	<b><u>1.135.201.975.307</u></b>	<b><u>723.075.925.035</u></b>	<b><u>1.135.129.315.307</u></b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Vay và nợ</i>	5.847.036.565.294	6.185.689.387.475	5.847.036.565.294	6.185.689.387.475
<i>Phải trả người bán</i>	672.254.029.433	831.675.801.093	672.254.029.433	831.675.801.093
<i>Phải trả khác</i>	140.555.633.639	112.654.810.300	140.555.633.639	112.654.810.300
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.659.846.228.366</u></b>	<b><u>7.130.019.998.868</u></b>	<b><u>6.659.846.228.366</u></b>	<b><u>7.130.019.998.868</u></b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2016 và ngày 30/06/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**6.13 Báo cáo bộ phận**

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính từ bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016, Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn Vinacomin được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Thu nhập trong kỳ tài chính được bắt đầu từ 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

- Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc	912.363.945
- Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	127.200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.039.563.945</u></b>

Số dư tại ngày 30/06/2016 và giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê vật tư hàng hóa, than và dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

**7.2 Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính**

Theo Quyết định số 64/QĐ-NĐCP ngày 6/6/2016 của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được đổi tên thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: Vinacomin - Campha thermal Power Joint - Stock Company), và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/6/2016.

**7.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

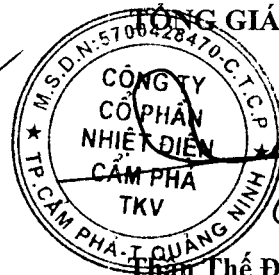
NGƯỜI LẬP BIỂU

Nhữ Thị Thu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lưu Mạnh Thắng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Thần Thế Đăng



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHÁ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 01

**TỔNG HỢP MUA BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

**Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong năm		Giá trị bán trong năm	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
A	B	1	2	3	4
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phá - Vinacomín	Than	769.365.676.023		-
2	Công ty tuyến than Cửa Ông - TKV	Dịch vụ	3.037.500		-
3	Công ty CP Du lịch và TM Vinacomín - Chi nhánh Vân Long	Dịch vụ	16.318.182		-
4	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomín	Vật tư	320.801.179		-
5	Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomín	Dịch vụ	36.000.000		-
6	Công ty CP Vật tư -TKV-Xi nghiệp Vật tư Cẩm Phá	Vật tư	8.615.361.861		-
7	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Vật tư	741.177.000		-
8	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Dịch vụ	115.938.440		-
9	Chi nhánh Công ty cổ phần chế tạo máy-Vinacomín	Vật tư	72.777.943		-
10	Công ty CP SX và kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI	Vật tư	826.025.800		-
11	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomín	Dịch vụ	65.015.000		-
12	Công ty cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phá - Viancomín	Dịch vụ	1.320.531.050		-
13	Chi nhánh Công ty cổ phần chế tạo máy-Vinacomín	Vật tư	13.935.189		-
14	Trường cao đẳng nghề than - khoáng sản Việt Nam	Dịch vụ	13.359.000		-
	<b>Tổng cộng</b>		<b>781.525.954.167</b>		<b>-</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

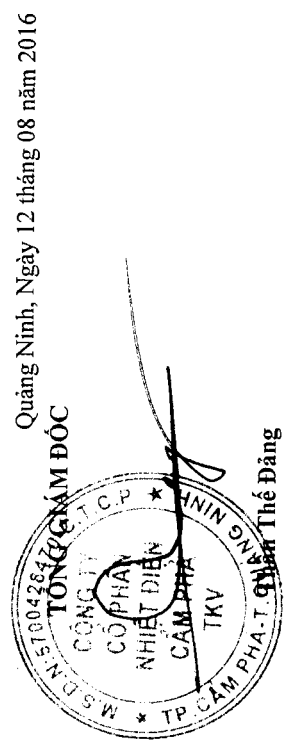
*Nhữ Thị Thu*

Nhữ Thị Thu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Lưu Mạnh Thăng*

Lưu Mạnh Thăng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị: VND

Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ				
		131	331	338	335	341
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI THU</b>					
	<i>Phải thu ngắn hạn</i>	-	-	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn</i>	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ</b>					
	<i>Phải trả ngắn hạn</i>	-	202.116.089.937	-	-	-
		-	202.116.089.937	-	-	-
1	Cty Kho vận & Cảng Cẩm Phả -TKV	-	197.937.775.859	-	-	-
2	Công ty tuyển than Cửa Ông -TKV	-	3.189.375	-	-	-
3	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	118.646.308	-	-	-
4	Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin	-	39.600.000	-	-	-
5	Công ty CP Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	-	2.326.566.635	-	-	-
6	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	-	855.703.453	-	-	-
7	Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	64.001.596	-	-	-
8	Chi nhánh Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	-	21.410.211	-	-	-
9	Công ty CP SX và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	722.361.500	-	-	-

Stt	Tên đơn vị		Các	
	A	B	131	331
10	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomim		-	13.476.000
11	Trường cao đẳng nghề than- khoáng sản Việt Nam		-	13.359.000
	<i>Phải trả dài hạn</i>		-	-
<b>C</b>	<b>CÔNG NỢ KHÁC</b>		-	-
	<i>Ngắn hạn</i>		-	69
1	Tổng công ty điện lực Vinacomim		-	-
2	Tập đoàn Công nghiệp Than KS Việt Nam		-	-
	<i>Dài hạn</i>		-	-
1	Tổng công ty điện lực Vinacomim		-	69

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nhữ Thị Thu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lưu Mạnh Thăng